

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty CP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu, mã chứng khoán SBL xin giải trình về việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sáu tháng năm 2019 thay đổi từ 10% trở lên so báo cáo cùng kỳ năm trước như sau:

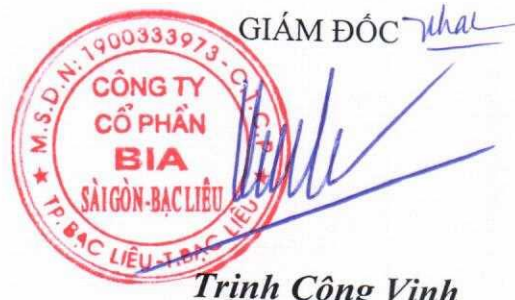
Lợi nhuận sau thuế sáu tháng năm 2019 so sáu tháng năm 2018 giảm 75% nguyên nhân chính là do:

- Sản lượng giao hàng giảm: 4,5 triệu lít.
- Giá các nguyên liệu chính tăng: Malt tăng 6%, houblon tăng từ 40% - 59%.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định tăng do đầu tư mới và nâng cấp tài sản cố định.
- Chi phí lãi vay tăng do sáu tháng năm 2019 có chi phí lãi vay trung dài hạn, cùng kỳ năm trước không có, vay ngắn hạn lãi suất sáu tháng năm 2019 tăng so cùng kỳ năm trước từ 1% đến 2% và tăng dư nợ vay vốn lưu động bình quân.
- Sáu tháng năm 2018 có lãi chênh lệch tỷ giá 2 tỷ, sáu tháng năm 2019 không có.
- Sáu tháng năm 2019 nộp thuế nhập khẩu dây chuyền chiết thanh lý năm 2018 (chi phí khác) 1,15 tỷ. Do chờ hướng dẫn của cơ quan Nhà nước nên năm 2018 chưa xác định được.
- Sáu tháng năm 2019 không còn được giảm 50% thuế TNDN phải nộp, sáu tháng năm 2018 giảm 50%, do năm 2019 Công ty hết thời gian giảm thuế.

Trân trọng.

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu TCKT



Trịnh Công Vinh



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

6003000028

ngày 22 tháng 12 năm 2006

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 6003000028 ngày 4 tháng 4 năm 2019. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Phạm Thị Hồng Hạnh
Ông Nguyễn Văn Đồi
Ông Nguyễn Xuân Hải
Ông Phạm Hồng Minh
Ông Trần Nguyên Trung

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Tấn Phiên
Bà Dương Thị Thúy Hồng
Bà Trần Thị Ngọc Diệp

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Công Vinh
Ông Trần Văn Sang
Ông Huỳnh Vạn Đồng

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha
Phường 8, Thành phố Bạc Liêu
Tỉnh Bạc Liêu
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trịnh Công Vinh
Giám đốc



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Phạm Thị Hồng Hạnh
Chủ tịch

Bạc Liêu, ngày 12 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-01-00250-19-1



Hà Vũ Định
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		32.584.813.285	57.713.882.298
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	424.788.745	1.838.430.336
Tiền	111		424.788.745	288.430.336
Các khoản tương đương tiền	112		-	1.550.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.587.769.604	19.759.645.610
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	6.441.892.580	12.147.859.540
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.916.602.570	10.634.956.740
Phải thu ngắn hạn khác	136		309.445.454	57.000.330
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(3.080.171.000)	(3.080.171.000)
Hàng tồn kho	140	9	26.276.289.331	35.631.268.073
Hàng tồn kho	141		27.100.679.267	36.455.658.009
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(824.389.936)	(824.389.936)
Tài sản ngắn hạn khác	150		295.965.605	484.538.279
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		295.965.605	484.538.279
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		316.127.084.883	310.214.519.437
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	5.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		5.000.000	5.000.000
Tài sản cố định	220		302.977.532.619	301.166.036.190
Tài sản cố định hữu hình	221	10	302.835.783.658	301.005.024.742
Nguyên giá	222		482.765.908.883	464.768.979.066
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(179.930.125.225)	(163.763.954.324)
Tài sản cố định vô hình	227	11	141.748.961	161.011.448
Nguyên giá	228		336.516.165	336.516.165
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(194.767.204)	(175.504.717)
Tài sản dở dang dài hạn	240		630.000.000	1.397.736.339
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	630.000.000	1.397.736.339
Tài sản dài hạn khác	260		12.514.552.264	7.645.746.908
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	12.514.552.264	7.645.746.908
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		348.711.898.168	367.928.401.735

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		161.576.900.529	167.874.989.925
Nợ ngắn hạn	310		93.752.699.566	91.007.562.168
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	3.108.625.451	7.661.538.650
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	28.963.687.571	51.408.822.453
Phải trả người lao động	314		4.906.725.051	6.149.781.112
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.414.501.289	2.394.327.532
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	18.935.573.366	999.325.366
Vay ngắn hạn	320	17(a)	34.103.226.794	20.686.453.588
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	320.360.044	1.707.313.467
Nợ dài hạn	330		67.824.200.963	76.867.427.757
Vay dài hạn	338	17(b)	67.824.200.963	76.867.427.757
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		187.134.997.639	200.053.411.810
Vốn chủ sở hữu	410	19	187.134.997.639	200.053.411.810
Vốn cổ phần	411	20	120.120.000.000	120.120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.120.000.000	120.120.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	27.919.729.439	27.919.729.439
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.095.268.200	52.013.682.371
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		33.995.682.371	26.036.981.506
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		5.099.585.829	25.976.700.865
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		348.711.898.168	367.928.401.735

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trần Thị Thảo
 Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh
 Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	121.497.356.237	150.191.794.985
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	101.722.352.180	114.405.348.390
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		19.775.004.057	35.786.446.595
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	4.852.602	2.445.691.724
Chi phí tài chính	22	27	4.478.219.576	1.968.458.913
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.478.219.576	687.164.383
Chi phí bán hàng	25		597.707.520	416.275.190
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	6.556.520.023	10.865.628.535
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		8.147.409.540	24.981.775.681
Thu nhập khác	31		111.455.100	110.494.675
Chi phí khác	32		1.282.040.084	56.348
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.170.584.984)	110.438.327
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.976.824.556	25.092.214.008
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.082.523.683	1.900.590.825
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.894.300.873	23.191.623.183
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	425	1.751

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trần Thị Thảo
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất
Kế toán Trưởng

Người duyệt:




Trịnh Công Vinh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	6.976.824.556	25.092.214.008
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	16.276.043.225	14.367.409.366
Các khoản dự phòng	03	-	3.080.171.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(1.235.949.722)
Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05	1.277.187.481	(410.196.253)
Chi phí lãi vay	06	4.478.219.576	687.164.383
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	29.008.274.838	41.580.812.782
Biến động các khoản phải thu	09	1.190.306.266	1.196.302.555
Biến động hàng tồn kho	10	9.354.978.742	(3.478.013.511)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(26.574.704.333)	9.537.790.553
Biến động chi phí trả trước	12	(4.680.232.682)	1.617.115.745
		8.298.622.831	50.454.008.124
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.465.959.815)	(670.763.288)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.830.555.923)	(2.608.564.284)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.631.257.467)	(2.917.706.333)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(629.150.374)	44.256.974.219
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(8.042.594.231)	(151.621.069.667)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	2.890.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	4.852.602	410.196.253
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.147.741.629)	(151.210.873.414)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019 VND	30/6/2018 VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	157.568.511.091	258.887.361.536
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(153.194.964.679)	(162.636.973.397)
Tiền chi trả cổ tức	36	(10.296.000)	(23.903.880.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.363.250.412	72.346.508.139
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(1.413.641.591)	(34.607.391.056)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	1.838.430.336	42.021.763.845
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	424.788.745	7.414.372.789

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:

Trần Thị Thảo
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:

Trần Thị Chất
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Trịnh Công Vinh
Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; sản xuất kinh doanh cồn – rượu; kinh doanh kho bãi và vận tải hàng hóa liên tỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 115 nhân viên (1/1/2019: 120 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 61.168 triệu VND (1/1/2019: 33.294 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 17). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho công ty liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn, tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 50 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 5 – 20 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 10 năm |
| ▪ thiết bị quản lý | 3 – 8 năm |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí nâng cấp

Chi phí nâng cấp tài sản cố định phản ánh chi phí sửa chữa và thay thế định kỳ máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí nâng cấp được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ công tác xã hội cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa liên tỉnh. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này thường không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa liên tỉnh. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	101.744.852	6.034.423
Tiền gửi ngân hàng	323.043.893	282.395.913
Các khoản tương đương tiền	-	1.550.000.000
	<hr/>	<hr/>
	424.788.745	1.838.430.336
	<hr/>	<hr/>

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	3.332.839.030	6.121.281.540
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Minh Hải – PGD Bạc Liêu	3.080.171.000	3.080.171.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre	-	2.890.000.000
Các khách hàng khác	28.882.550	56.407.000
	<hr/>	<hr/>
	6.441.892.580	12.147.859.540
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	3.332.839.030	6.121.281.540
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre	-	2.890.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya Việt Nam	-	15.661.800
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/6/2019 và 1/1/2019		Giá trị có thể thu hồi VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Mình Hải - PGD Bạc Liêu	3.080.171.000	(3.080.171.000)	-

9. Hàng tồn kho

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	7.821.819.580	-	11.107.324.014	-
Công cụ và dụng cụ	4.703.064.033	(824.389.936)	4.683.343.229	(824.389.936)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.814.590.866	-	12.082.409.556	-
Thành phẩm	2.710.526.958	-	8.524.675.971	-
Hàng hóa	50.677.830	-	57.905.239	-
	27.100.679.267	(824.389.936)	36.455.658.009	(824.389.936)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	104.810.962.461	352.531.514.775	5.998.968.590	1.427.533.240	464.768.979.066
Tăng trong kỳ	76.200.000	1.382.250.000	-	-	1.458.450.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.476.401.426	14.288.602.856	-	-	16.765.004.282
Thanh lý	(226.524.465)	-	-	-	(226.524.465)
Số dư cuối kỳ	107.137.039.422	368.202.367.631	5.998.968.590	1.427.533.240	482.765.908.883
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	26.720.357.975	132.150.711.980	3.736.297.306	1.156.587.063	163.763.954.324
Khấu hao trong kỳ	2.105.545.249	13.786.818.178	272.611.530	91.805.781	16.256.780.738
Thanh lý	(90.609.837)	-	-	-	(90.609.837)
Số dư cuối kỳ	28.735.293.387	145.937.530.158	4.008.908.836	1.248.392.844	179.930.125.225
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	78.090.604.486	220.380.802.795	2.262.671.284	270.946.177	301.005.024.742
Số dư cuối kỳ	78.401.746.035	222.264.837.473	1.990.059.754	179.140.396	302.835.783.658

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 7.507 triệu VND (1/1/2019: 7.301 triệu VND), đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 253.492 triệu VND (1/1/2019: 259.723 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

Trong kỳ, không có chi phí lãi vay được vốn hóa trong tài sản cố định hữu hình (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 895 triệu VND).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	336.516.165
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	175.504.717
Khấu hao trong kỳ	19.262.487
Số dư cuối kỳ	194.767.204
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	161.011.448
Số dư cuối kỳ	141.748.961

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.397.736.339	4.663.206.325
Tăng trong kỳ	15.997.267.943	164.863.698.987
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(16.765.004.282)	(166.359.381.421)
Số dư cuối kỳ	630.000.000	3.167.523.891

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí nâng cấp VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	2.485.126.679	262.804.595	4.897.815.634	7.645.746.908
Tăng trong kỳ	7.664.400.000	-	661.253.272	8.325.653.272
Phân bổ trong kỳ	(1.909.744.704)	(103.888.271)	(1.443.214.941)	(3.456.847.916)
Số dư cuối kỳ	8.239.781.975	158.916.324	4.115.853.965	12.514.552.264

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	594.489.500	1.295.023.699
Công ty TNHH Nhựa Long Thành	485.100.000	485.100.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Mê Kông Bạc Liêu	-	875.216.667
Công ty TNHH MTV Lương thực Vĩnh Lộc	-	851.275.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	814.325.684
Các nhà cung cấp khác	2.029.035.951	3.340.597.600
	3.108.625.451	7.661.538.650

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	594.489.500	1.295.023.699
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	814.325.684

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/cán trừ trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	44.109.845.346	126.963.036.569	(146.106.905.161)	24.965.976.754
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.358.919.457	1.082.523.683	(1.830.555.923)	610.887.217
Thuế giá trị gia tăng	5.848.250.205	27.114.251.624	(29.599.818.176)	3.362.683.653
Thuế thu nhập cá nhân	73.077.125	1.002.549.950	(1.065.447.048)	10.180.027
Thuế tài nguyên	18.730.320	85.877.840	(90.648.240)	13.959.920
	51.408.822.453	156.248.239.666	(178.693.374.548)	28.963.687.571

16. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Cổ tức phải trả	18.018.000.000	10.296.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	200.000.000	200.000.000
Phải trả khác	717.573.366	789.029.366
	18.935.573.366	999.325.366

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

17. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2019	Biến động trong kỳ		30/6/2019
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	2.600.000.000	157.568.511.091	(135.108.511.091)	25.060.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	18.086.453.588	9.043.226.794	(18.086.453.588)	9.043.226.794
	<u>20.686.453.588</u>	<u>166.611.737.885</u>	<u>(153.194.964.679)</u>	<u>34.103.226.794</u>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4	VND	6,2% - 7,0%	25.060.000.000	2.600.000.000

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 có hạn mức tín dụng là 70.000 triệu VND.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Vay dài hạn	76.867.427.757	94.953.881.345
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(9.043.226.794)	(18.086.453.588)
	67.824.200.963	76.867.427.757

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2019	1/1/2019
				VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4	VND	7,87% - 8,2%	2024	76.867.427.757	94.953.881.345

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 có hạn mức tín dụng là 107.000 triệu VND.

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 253.492 triệu VND (1/1/2019: 259.723 triệu VND) (Thuyết minh 10).

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.707.313.467	1.492.672.940
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 19)	294.715.044	1.159.581.159
Trích lập bổ sung trong kỳ (Thuyết minh 19)	-	895.268.576
Sử dụng trong kỳ	(1.681.668.467)	(517.706.333)
	320.360.044	3.029.816.342

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	120.120.000.000	27.919.729.439	52.356.250.082	200.395.979.521
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	23.191.623.183	23.191.623.183
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(12.012.000.000)	(12.012.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(1.159.581.159)	(1.159.581.159)
Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(895.268.576)	(895.268.576)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích bổ sung quỹ công tác xã hội	-	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2018	120.120.000.000	27.919.729.439	59.081.023.530	207.120.752.969
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	18.901.746.149	18.901.746.149
Cổ tức	-	-	(24.024.000.000)	(24.024.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(945.087.308)	(945.087.308)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	120.120.000.000	27.919.729.439	52.013.682.371	200.053.411.810
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	5.894.300.873	5.894.300.873
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(18.018.000.000)	(18.018.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(294.715.044)	(294.715.044)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	120.120.000.000	27.919.729.439	39.095.268.200	187.134.997.639

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.012.000	120.120.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.012.000	120.120.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018.

21. **Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 27 tháng 3 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 30.030 triệu VND (tương đương 2.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018, trong đó 12.012 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2018 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 36.036 triệu VND theo quyết định của Đại Hội Đồng cổ đông của Công ty tại cuộc họp ngày 15 tháng 6 năm 2018, (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017, trong đó 12.012 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2017).

22. **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Trong vòng một năm	310.997.950	352.467.358
Từ hai đến năm năm	1.301.223.163	1.032.397.877
Sau năm năm	11.971.520.363	12.125.695.008
	<hr/>	<hr/>
	13.583.741.476	13.510.560.243

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	119.081.067.344	147.993.550.065
▪ Cung cấp dịch vụ	286.651.783	541.094.601
▪ Doanh thu khác	2.129.637.110	1.657.150.319
	<hr/>	<hr/>
	121.497.356.237	150.191.794.985

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	100.638.335.243	114.215.406.811
▪ Dịch vụ đã cung cấp	98.007.720	167.100.624
▪ Giá vốn khác	986.009.217	22.840.955
	<hr/>	<hr/>
	101.722.352.180	114.405.348.390

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lãi tiền gửi	4.852.602	410.196.253
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	799.545.749
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.235.949.722
	4.852.602	2.445.691.724

27. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí lãi vay	4.478.219.576	687.164.383
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	1.281.294.530
	4.478.219.576	1.968.458.913

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí nhân viên	3.502.545.877	3.283.025.843
Chi phí dịch vụ mua ngoài	927.603.203	838.416.693
Chi phí khấu hao và phân bổ	60.345.300	60.495.279
Dự phòng phải thu khó đòi	-	3.080.171.000
Chi phí quản lý khác	2.066.025.643	3.603.519.720
	6.556.520.023	10.865.628.535

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	60.363.877.195	74.278.385.243
Chi phí nhân công và nhân viên	12.574.849.077	13.668.883.009
Chi phí khấu hao và phân bổ	16.276.043.225	14.367.409.366
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.508.655.002	10.677.165.096
Chi phí khác	6.071.187.521	9.217.395.890

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	1.082.523.683	1.900.590.825

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.976.824.556	25.092.214.008
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.046.523.683	3.763.832.101
Chi phí không được khấu trừ thuế	36.000.000	37.349.550
Ưu đãi thuế	-	(1.900.590.826)
	1.082.523.683	1.900.590.825

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm tính từ năm đầu tiên đi vào hoạt động (2009). Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ 2009 đến 2011) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ 2012 đến 2018).

Thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ công tác xã hội và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	5.894.300.873	23.191.623.183
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ công tác xã hội	(794.715.044)	(2.159.581.159)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	5.099.585.829	21.032.042.024

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 12.012.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán hàng (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	119.081.067.344	147.993.798.080
Mua nguyên vật liệu	41.598.845.308	53.768.976.123
Giao dịch khác	-	541.576.200
Công ty Cổ phần bia Sài Gòn - Miền Tây		
Cổ tức phải trả	3.603.600.000	2.402.400.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Cung cấp dịch vụ	-	26.576.439
Mua dịch vụ	-	2.122.745.300
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng		
Cung cấp dịch vụ	-	20.800.000
Giao dịch khác	-	8.712.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Giao dịch khác	-	15.225.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua vỏ chai	-	351.328.320
Chi phí sử dụng vỏ chai	-	917.700.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Mua hàng hóa	248.423.370	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu tại Bạc Liêu		
Mua hàng hóa	-	102.198.350
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long		
Mua nguyên vật liệu	28.287.000	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	4.721.887.017	4.445.587.688

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trần Thị Thảo
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh
Giám đốc

